TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày 12 – 12 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Tấn.
2. Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông Bùi Mạnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 11 và ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2019/TLST - DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V_1, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1960. Có mặt.
Bà Hoàng Kim M, sinh năm 1964. Có mặt.
Ông Nguyễn Văn V_2, sinh năm 1966. Có mặt.
Bà Đinh Thị N, sinh năm 1966. Có mặt.
Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973. Có mặt.
Cùng địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Ông Lê Đình L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Đ2, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Đình L: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963. Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2019). Có mặt.

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967. Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khối x, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Văn V_2, sinh năm 1966. Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2019). Có mặt.

Nguyễn Anh T, sinh ngày 03/3/2004. Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Người giám hộ của Nguyễn Anh T: Bà Phan Thị Q, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Ông Nguyễn Công T - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Công T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ: Phố H, thị trấn V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn trình bày: Ông và các ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V_2, Nguyễn Văn T là anh em ruột, các bà Hoàng Kim M (vợ ông K), bà Đinh Thị N (vợ ông V_2) là chị dâu. Ngày 21/4/2015, ông Nguyễn Văn V_1 được nhận quyền sử dụng đất do thừa kế. Nguồn gốc đất là của bố đẻ ông V_1 là cụ Nguyễn Văn H_1 chết không để lại di chúc. Ông đã được toàn thể anh em đồng nhất để ông thừa kế phần đất của cụ H sau khi ông có nghĩa vụ tách cho ông Nguyễn Văn V_2 4m theo chiều mặt đường QL 12B, tách cho ông Nguyễn Văn T 4,5m theo chiều mặt đường QL 12B và tách cho cháu Nguyễn Anh T (là con trai cả của ông Nguyễn Văn H_2 đã chết) 10m theo chiều mặt đường QL 12B. Ông V_1 đã thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên. Đối với phần đất của ông Nguyễn Văn V_2 thì ông V_2 đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn V_1 với giá 100.000.000 *(Một trăm triệu)* đồng. Thửa đất ông V_1 nhận quyền sử dụng có diện tích 3.111,9m^2 thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 42 tại xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BR 734801, vào sổ cấp GCN số CH 00010 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 21/4/2015. Quá trình sử dụng đến tháng 9 năm 2018 thì các bị đơn tự ý chiếm đất của ông V_1 để xây nhà thờ bố mẹ. Ông V_1 đã nhiều lần ngăn cản nhưng các bị đơn vẫn tiến hành xây dựng và hiện đã xây xong nhà thờ với diện tích khoảng 275m^2, nhà xây kiên cố, mái đổ bê tông và đã tiến hành thờ cúng.

Do vậy, ông V_1 cho rằng các bị đơn chiếm đất trái phép của ông, làm biến đổi hiện trạng đất nên ông Nguyễn Văn V_1 khởi kiện với yêu cầu công nhận quyền sử

dụng đất hợp pháp của ông, buộc các bị đơn chấm dứt hành vi chiếm đất, tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để trả lại hiện trạng đất cho ông.

Phía các bị đơn trình bày: Cụ Nguyễn Văn H_1 có hai vợ và sinh được 08 người con gồm Nguyễn Văn H_2 (đã chết), Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V_2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn V_1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H và Lê Đình L. Cụ H_1 và các bà vợ cụ H_1 đã chết nhưng không để lại di chúc. Sinh thời cụ H_1 có quyền sử dụng diện tích đất 3.175m^2 tại xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 388011 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 27/9/1990). Ngày 16/3/2014, các con cụ H_1 gồm ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V_2, Nguyễn Văn V_1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị H có làm biên bản họp gia đình bàn về việc chia đất và xây nhà thờ thờ cúng bố mẹ.

Ông Nguyễn Văn K trình bày: Việc họp chia đất vào ngày 16/3/2014, cụ thể là chia cho ông Nguyễn Văn K 3m chiều rộng, dài 25m; chia cho bà H, bà N mỗi người 1,5m chiều rộng, dài 25m, chia cho cháu Nguyễn Anh T 10m chiều rộng, dài đến sát bờ suối; chia cho ông Nguyễn văn V_2 4m chiều rộng, dài 25m; chia cho ông Nguyễn Văn T 4,7m chiều rộng, dài sát bờ suối; chia cho ông Nguyễn Văn V_1 10m chiều rộng, dài sát bờ suối. Ông V_1 phải có trách nhiệm thờ phụng bố mẹ. Ông V_1 được lấy cả phần đất của ông K nhưng phải bỏ ra 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng để xây nhà thờ nhưng ông V_1 không chịu thực hiện đến khi nhà cũ của cụ H_1 hỏng, mục nát thì anh em ông tổ chức làm nhà thờ để thờ cúng bố mẹ.

Ông Nguyễn Văn V_2 thừa nhận có họp gia đình ngày 16/3/2014 để bàn bạc về việc chia đất. Trong đó, bản thân ông được chia 4m chiều rộng, dài 25m. Do không có nhu cầu sử dụng nên ông có nhượng lại cho ông V_2 với giá 100.000.000 *(Một trăm triệu)* đồng. Khi họp gia đình ngày 16/3/2014, có bàn về việc xây nhà thờ bố mẹ ông và mỗi anh em bỏ ra số tiền 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng. Ông đã bỏ ra số tiền trên bằng việc khi chuyển nhượng đất chỉ nhận từ ông V_1 50.000.000 đồng, còn 50.000.000 còn lại để góp xây nhà thờ. Tuy nhiên, do ông V_1 không thực hiện xây nên ông đã đòi lại số tiền nêu trên để góp xây nhà thờ.

Ông Nguyễn Văn T xác nhận có họp gia đình sau khi cụ H_1 chết và bản thân ông được chia 4,7m chiều rộng, dài 25m và ông đã được tách sổ đỏ riêng mang tên ông. Khi họp gia đình có bàn việc xây nhà thờ và giao cho ông V_1 chịu trách nhiệm xây nhưng ông V_1 không thực hiện nên anh em ông đã tự góp tiền xây để thờ cúng bố mẹ. Nhà đã xây từ năm 2018 và khi xây ông V_1 cũng đồng ý nhưng quá trình xây, ông V_1 đổi ý và không cho xây.

Bà Nguyễn Thị N xác nhận có việc họp gia đình để chia đất năm 2014. Khi đó chia cho con anh H_2 (cháu Nguyễn Anh T) 10m chiều ngang mặt đường, ông T 4,7m chiều ngang mặt đường. Số còn lại hơn 30m chiều ngang mặt đường anh

em thống nhất để lại nhà cũ của bố mẹ 12,6m chiều ngang mặt đường, số còn lại chia cho ông K 3,7m, ông V_2 4m, ông V_1 được thêm 3,7m, bà N và bà H được 3,7m. Phần đất của ông V_2 đã chuyển nhượng cho ông V_1. Phần đất của ông K, bà H, bà N ông V_1 nhận mua nhưng chưa trả tiền. Khi họp gia đình có bàn về việc làm nhà thờ và cả nhà cùng nhất trí mỗi người con trai đóng góp 50.000.000 *(Năm mươi triệu)* đồng trừ ông Lê Đình L ở xa, không lấy đất nên không phải đóng tiền xây nhà thờ.

Bà Nguyễn Thị N cũng xác nhận có việc họp chia đất như các bị đơn khác trình bày, xác nhận việc ông V_1 có nhận mua đất của ông K, bà H, bà N nhưng chưa trả tiền. Có việc bàn xây nhà thờ và phân chia trách nhiệm mỗi người con trai đóng 50.000.000 đồng, trừ ông Lê Đình L.

Bà Nguyễn Thị H xác nhận có việc họp gia đình chia đất. Bản thân bà cùng bà N được chia chung 3m đất nhưng bà không tham gia cuộc họp, không được ký vào biên bản họp gia đình ngày 16/3/2014. Nay số đất bà và bà N được chia thì ông V_1 phải trả cho bà bằng tiền hoặc bằng đất.

Bà Hoàng Kim M và bà Đinh Thị N xác nhận có việc họp gia đình chia đất và bàn bạc việc xây nhà thờ đúng như các bị đơn khác trình bày.

Các bị đơn đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng việc xây nhà thờ là có sự bàn bạc của cả gia đình và xây trên nền nhà cũ của cụ H_1 và việc xây nhà thờ là xây trên đất của cụ H_1. Những người con trai trong gia đình có trách nhiệm đóng góp mỗi người 50.000.000 đồng để xây. Tuy nhiên, ông V_1 được hưởng cả phần đất của ông K, các bà H, N nên phải có trách nhiệm xây. Ngày 15/8/2019, các bị đơn là ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V_2 và Nguyễn Văn T còn có yêu cầu phản tố là với những nội dung chia lại thừa kế quyền sử dụng đất; giữ nguyên ngôi nhà thờ và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông V_1.

Người giám hộ của Nguyễn Anh T: Bà Phan Thị Q trình bày bà là vợ ông Nguyễn Văn H_2 và là mẹ đẻ cháu Nguyễn Anh T. Thửa đất mẹ con bà đang ở hiện nay nằm trong thửa đất của cụ H_1 và được cụ H_1 cho từ năm 2000, có chiều rộng mặt đường là 10m và chiều sâu thực tế là đến sát bờ suối sau nhà, chứ không phải chỉ có 25m. Đất chưa tách sổ, vẫn nằm theo sổ đỏ tên cụ H_1. Khi anh em bàn bạc chia đất thì không có bà tham gia, cháu T cũng không biết. Nay bà Q yêu cầu anh em trong gia đình chia cho mẹ con bà diện tích đất đúng như diện tích đất hiện nay mẹ con bà đang sử dụng. Về việc xây nhà thờ bà Q khẳng định mình cũng được bàn bạc, đóng góp xây nên yêu cầu của nguyên đơn bà không nhất trí.

Ông Lê Đình L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N là con cụ H_1 với người vợ thứ hai. Ông L ở với mẹ từ nhỏ và lấy họ theo họ bố dượng là họ Lê. Ông L xác nhận sau khi cụ H_1 chết, các anh em ông có thông báo cho ông về việc họp

gia đình chia đất nhưng do ông ở xa không về được nên đều nhất trí với quyết định của các anh chị. Việc xây nhà thờ bố mẹ, các anh chị ông cũng không yêu cầu ông đóng góp gì. Nay nhà thờ đã xây xong, ông L mong muốn giữ lại nhà thờ để thờ cúng và đề nghị ông V_1 tách riêng phần đất có ngôi nhà thờ để sử dụng chung. Nếu không ông cũng đồng thuận với các anh em còn lại là đề nghị chia thừa kế quyền sử dụng đất do cụ H_1 để lại.

Bà Phạm Thị T trình bày: bà kết hôn với ông Nguyễn Văn V_1 năm 2017; tức là sau khi có việc chia đất và làm nhà thờ. Tuy nhiên, ông V_1 đồng ý nhập phần tài sản được thừa kế vào khối tài sản chung vợ chồng nên bà tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà T cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chồng bà là ông V_1 là hoàn toàn hợp pháp. Bà đồng nhất quan điểm với yêu cầu khởi kiện của ông V_1.

Đối với bà Nguyễn Thị Ng đã được Tòa án thông báo nhưng bà Ng cho rằng mình đã ly hôn ông V_1, không còn quan tâm gì đến chuyện gia đình ông V_1 nên bà Ng từ chối cung cấp thông tin và từ chối tham gia tố tụng.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định vị trí thửa đất tại xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Tứ cận: phía Bắc giáp QL 12B, phía Đông giáp hộ ông Đinh Văn L, phía Nam giáp suối tự nhiên, phía Tây giáp gia đình ông Nguyễn Văn V_2. Hiện trạng thửa đất đã tách 10,90m theo chiều mặt đường cho Nguyễn Anh T, tách 4,7m chiều mặt đường cho ông Nguyễn Văn T trên đất ông T đang xây dở dang ngôi nhà 2 tầng. Phần đất còn lại có nhà ông V_1, vườn bưởi và ngôi nhà thờ mới xây, diện tích xây dựng là 78,756m^2 trên diện tích khuôn viên đất là 222,13m^2.

Kết quả xác minh quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn V_1 cơ quan quản lý đất đai khẳng định cấp đúng thủ tục, trình tự theo quy định của pháp luật. Quá trình thẩm tra đất xác định diện tích đất tăng thêm là do đo đạc chính quy (vì theo Giấy chứng nhận tên cụ H_1 diện tích là 3.175m^2, sau khi tách 250m^2 cho Nguyễn Anh T và 114,2m^2 cho Nguyễn Văn T thì diện tích còn lại trong Giấy chứng nhận tên ông V_1 vẫn còn 3.111,9m^2).

Tại phiên tòa: Các đương sự giữ nguyên yêu cầu của mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Việc phá dỡ nhà thờ theo yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở vì trước đó ông V_1 cũng được tham gia bàn bạc và anh em đều thỏa thuận xây. Việc yêu cầu phân chia lại di sản cũng do mâu thuẫn từ việc xây nhà thờ. Văn bản phân chia di sản không phát sinh hiệu lực vì thiếu 3 người là bà H, ông L và bà Q. Do vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V_1 là chưa hợp pháp nên đề nghị Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn V_1.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: thấy rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V_1 là hoàn toàn hợp pháp, phù hợp ý trí của những đồng thừa kế khác nên không có cơ sở xem xét yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn V_1; không có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia lại di sản thừa kế của các bị đơn. Việc xây nhà thờ ban đầu có sự bàn bạc của cả gia đình trong đó có ông V_1 tham gia. Khi xây ông V_1 là người giác móng. Bà Phạm Thị T cũng tham gia bằng việc chi trả khoản tiền san ủi đất. Do đó, yêu cầu phá dỡ ngôi nhà thờ đang thờ cúng không chỉ vi phạm thỏa thuận trước đó của cả gia đình về việc chia di sản thừa kế mà còn không phù hợp đạo lý, thuần phong mỹ tục. Vì vậy, yêu cầu này không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xác nhận quyền sử dụng hợp pháp thửa đất còn lại là di sản thừa kế từ cụ H_1 cho ông V_1. Không chấp nhận yêu cầu tháo dỡ nhà thờ. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn về phân chia lại di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận đã cấp cho ông V_1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là Tranh chấp quyền sử dụng đất. Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về pháp luật áp dụng:* Do việc phân chia di sản thừa kế được thực hiện năm 2014 (ngày 30/6/2014) nên được áp dụng Luật Đất đai 2003 và Bộ luật dân sự năm 2005 (Luật Đất đai 2013 có hiệu lực ngày 01/7/2014 và Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực từ 01/01/2017). Tranh chấp quyền sử dụng tại thời điểm năm 2018 nên giải quyết tranh chấp được áp dụng theo các quy định của Luật đất đai 2013 và Bộ luật dân sự 2015.

[3] *Về nội dung vụ án*: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng đất thấy rằng: Đất ông Nguyễn Văn V_1 nhận quyền sử dụng là do thừa kế. Nguồn gốc đất do bố ông V_1 là cụ Nguyễn Văn H_1 để lại; cụ H_1 chết không để lại di chúc. Sau khi cụ H_1 chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ H_1 gồm có các con cụ H_1 là Ông K, ông V_2, ông T, bà H, bà N, ông L, ông V_1 và con trai ông H_2 (thừa kế thế vị do ông H_2 chết trước cụ H_1). Hàng thừa kế này ông có ông K, ông V_2, ông T, bà N, ông V_1 họp và phân chia di sản bằng biên bản họp gia đình ngày 16/3/2014; theo đó đã phân chia cho Nguyễn Anh T 10m theo chiều mặt đường, chia cho ông V_2 4m mặt đường và ông T 4,7m mặt đường. Nội dung này được cụ thể bằng văn bản phân chia di sản thừa kế được chính quyền xã chứng thực ngày 30/6/2014. Theo văn bản này xác định lại quyền sử dụng đất của ông V_1 sau khi ông V_1 thực hiện tách phần đất chia cho ông T và cháu Nguyễn Anh T. Phần đất của ông V_2 đã chuyển nhượng cho ông V_1 với giá 100.000.000 đồng. Phần ghi "và để lại một lô có chiều rộng là 10m, chiều dài 25m. Để lại

trong sổ đỏ tên ông H_1" được hiểu là phần đất để cho cháu Nguyễn Anh T vì cháu Anh T là người được chia di sản thừa kế theo biên bản họp ngày 16/3/2014 chứ không phải là để lại làm nhà thờ như các bị đơn đã nêu. Tòa án đã xác minh quá trình chứng thực của UBND xã T cũng xác định nội dung này là đúng. Việc bà Q cho rằng khi cụ H_1 còn sống có cho mẹ con bà diện tích đất với chiều dài đến sát bờ suối chứ không phải là 25m chiều dài như văn bản chia di sản. Tuy nhiên, bà Q không có căn cứ chứng minh việc cụ H_1 cho như bà khai. Mặt khác, xét diện tích đất cháu Nguyễn Anh T được chia so với các đồng thừa kế khác là bảo đảm quyền lợi. Đối với sự vắng mặt của bà Q, bà H và ông L tại buổi họp gia đình thì theo lời khai của những người này đều biết việc họp gia đình để chia đất và bàn bạc việc xây dựng nhà thờ nhưng họp từ năm 2014 đến năm 2018 họ không có ý kiến gì; ông Nguyễn Văn V_1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng từ năm 2015 nhưng chỉ khi xây nhà thờ năm 2018 mới có tranh chấp. Như vậy, việc để ông V_1 nhận phần đất thừa kế như Giấy chứng nhận hiện nay là có sự đồng thuận của tất cả các đồng thừa kế. Ông V_1 đã thực hiện đúng các thỏa thuận khi phân chia di sản thừa kế; đã tách sổ cho ông Nguyễn Văn T 4,7m chiều mặt đường, dài 25m; phần đất của ông V_2 đã chuyển nhượng lại cho ông V_1. Đối với phần đất hiện đã tách khỏi Giấy chứng nhận của ông V_1 mục đích cho cháu Nguyễn Anh T thì ông V_1 phải có nghĩa vụ hoàn thành thủ tục tách phần đất của cháu Nguyễn Anh T sang đúng tên cháu Nguyễn Anh T. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V_1 đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định nên cần chấp nhận.

[4] *Đối với yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng của nguyên đơn:* thấy rằng: Sau khi cụ H_1 chết, không để lại di chúc thì các đồng thừa kế hàng thứ nhất đã họp chia di sản thừa kế và bàn về việc xây nhà thờ. Việc này các bị đơn, người liên quan đều xác nhận. Bản thân ông V_1 cũng thừa nhận có bàn bạc việc xây nhà thờ nhưng cho rằng xây lúc nào, xây như thế nào phải theo ý của ông. Năm 2018, do nhà cũ của cụ H_1 cũ mục, hư hỏng thì ông V_1 và anh em cùng bàn xây nhà thờ; bản thân ông V_1 đứng ra giác móng, bà T cũng tham gia vào việc xây dựng bằng việc tham gia trả công san ủi. Quá trình xây do bất đồng với nhau nên ông V_1 không cho xây tiếp. Tuy nhiên, các bị đơn vẫn xây để lấy chỗ thờ cúng. Như vậy, việc xây nhà thờ ban đầu có sự bàn bạc của cả các đồng thừa kế và sự đồng thuận của cả ông V_1. Điều này phù hợp với quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 645 Bộ luật dân sự 2015 "Trường hợp người để lại di sản không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng thì những người thừa kế cử người quản lý di sản thờ cúng". Nhà thờ là tài sản chung do các đồng thừa kế đóng góp xây dựng để thờ cúng bố mẹ. Do đó, việc xây nhà thờ theo quy mô, hình thức như thế nào không phụ thuộc ý chí riêng của ông V_1. Ông V_1 đã được cử, hơn nữa công trình nằm trên đất thuộc quyền sử dụng của ông thì có trách nhiệm quản lý, bảo quản tài sản này để dùng vào việc thờ cúng. Vì vậy, yêu cầu tháo dỡ công trình của ông V_1 là không có căn cứ chấp nhận. Việc phân chia phần đóng góp xây nhà thờ do các đồng thừa kế thỏa thuận. Trường hợp có tranh chấp xảy ra thì được giải quyết bằng vụ việc khác.

[5] *Về yêu cầu phản tố của các bị đơn Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V_2, Nguyễn Văn T:* Các bị đơn trên phản tố với 3 nội dung là chia lại thừa kế quyền sử dụng đất, giữ nguyên ngôi nhà thờ và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

đã cấp cho ông V_1. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn V_1 đã được Hội đồng xét xử nhận định và không có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu giữ lại ngôi nhà thờ thì xét đây không phải yêu cầu phản tố mà chỉ là phản bác lại yêu cầu tháo dỡ nhà của nguyên đơn và đã được Hội đồng xét xử nhận định. Đối với yêu cầu chia lại di sản thừa kế thấy rằng: biên bản họp gia đình có sự có mặt của cả ông K, ông V_2, ông T. Việc có vắng mặt 3 người là bà Q, bà H và ông L nhưng bà H, ông L biết việc họp gia đình. Bà H khai cùng bà N mỗi người được chia 1,5m. Ông L ở xa không có ý kiến gì mà phụ thuộc quyết định của anh chị em. Bà Q tuy không tham gia nhưng con bà là cháu Nguyễn Anh T đã được phân chia 10,90m mặt đường và mẹ con bà ở ổn định. Như vậy, đất của cụ H_1 đã được các thừa kế của cụ H_1 thống nhất phân chia tài sản chung xong năm 2014. Việc phân chia đã được thực hiện trên thực tế và đã được điều chỉnh trên sổ sách giấy tờ về đất đai; thỏa thuận phân chia không vi phạm quyền lợi của bất cứ bên nào nên đất không còn là di sản thừa kế của cụ H_1 nữa mà đã chuyển thành quyền sử dụng đất hợp pháp của cá nhân. Việc ông K, bà H, bà N khai có được chia đất nhưng không ghi vào văn bản phân chia di sản thừa kế. Ông K, bà N, bà H chứng minh được mình được chia đất thì có quyền đòi phần đất được chia. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất của cụ H_1 nữa theo Án lệ số 24/2018/AL đã được hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018, được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố ngày 06/11/2018.

[4] *Về án phí, chi phí tố tụng:* Đương sự phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của mình không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự còn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 50; khoản 5 Điều 105 Luật Đất đai 2003; khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2013; Điều 223, 226, khoản 1 Điều 291 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 281 Bộ luật dân sự 2015: Án lệ số 24/2018/AL công bố ngày 06/11/2018 theo Quyết định số 269/QĐ-CA của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 26; điểm a, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V_1; xác nhận quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Văn V_1 đối với diện tích 3.111,9m^2 đất tại xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 734801, vào sổ cấp GCN số CH 00010 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 21/4/2015; ông Nguyễn Văn V_1 có nghĩa vụ tiếp tục thực

hiện thủ tục tách sang tên cho Nguyễn Anh T phần đất cháu Nguyễn Anh T được hưởng từ di sản thừa kế từ cụ Nguyễn Văn H_1.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V_2 và Nguyễn Văn T về việc giữ lại nhà thờ. Bác yêu cầu ông Nguyễn Văn V_1 về việc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất; giữ nguyên ngôi nhà các bị đơn đã xây trên đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn V_1 để sử dụng vào việc thờ cúng gia đình.

3. Bác yêu cầu phản tố của các bị đơn là ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V_2 và Nguyễn Văn T về việc yêu cầu chia lại thừa kế quyền sử dụng đất từ cụ Nguyễn Văn H_1 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn V_1.

4. Án phí: Ông Nguyễn Văn V_1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000726 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; ông Nguyễn Văn V_1 đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn V_2, Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn V_2 được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002786 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; ông Nguyễn Văn V_2 đã nộp xong án phí.

5. Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 4.398.400 đồng. Số tiền này bên nguyên đơn và bên bị đơn mỗi bên phải chịu 1/2 là 2.194.700 đồng. Số tiền này ông Nguyễn Văn V_1 đã nộp tạm ứng nên các bị đơn phải thanh toán trả cho ông V_1 2.194.700 đồng (mỗi bị đơn phải thanh toán trả 438.940 đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn